

Vũng Tàu, ngày 20 tháng 3 năm 2023

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2022

Kính gửi: Ủy ban chứng khoán Nhà nước

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần Hóa phẩm Dầu khí DMC Miền Nam
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3500850392
- Vốn điều lệ: 40.000.000.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 44.128.244.869 đồng
- Địa chỉ: Số 24/8 đường Lê Thánh Tông phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.
- Số điện thoại: 0254.3832036
- Số fax: 0254.3832084
- Website: www.dmcs.com.vn
- Mã cổ phiếu: DMS
- Quá trình hình thành và phát triển:

Công ty cổ phần Hóa phẩm Dầu khí DMC - Miền Nam (viết tắt DMC Miền Nam) trực thuộc Tổng công ty Hóa chất và dịch vụ Dầu khí – CTCP được thành lập ngày 08/3/1990 trên cơ sở Xí nghiệp Sản xuất Hoá phẩm dầu khí trực thuộc Tổng Cục Dầu khí tại Vũng Tàu.

Ngày 10/5/2011 Công ty DMC Miền Nam chính thức hoạt động theo mô hình công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3500850392 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu với số vốn điều lệ là 40.000.000.000 đồng.

Qua hơn 30 năm hình thành và phát triển, Công ty DMC Miền Nam đã không ngừng mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh. Hiện nay DMC-Miền Nam đã và đang phát triển các lĩnh vực: kinh doanh và dịch vụ phục vụ công tác khoan thăm dò và khai thác dầu khí và các ngành công nghiệp khác.

Ngày 05/08/2022, Công ty DMC Miền Nam được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xác nhận là Công ty đại chúng theo Công văn số 5126/UBCK-GSDC của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Ngày 06/10/2022, Công ty DMC Miền Nam được Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cấp Giấy Chứng nhận đăng ký chứng khoán số 37/2022/GCNCP-VSD, số lượng chứng khoán đăng ký lưu ký là 4.000.000 cổ phiếu.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

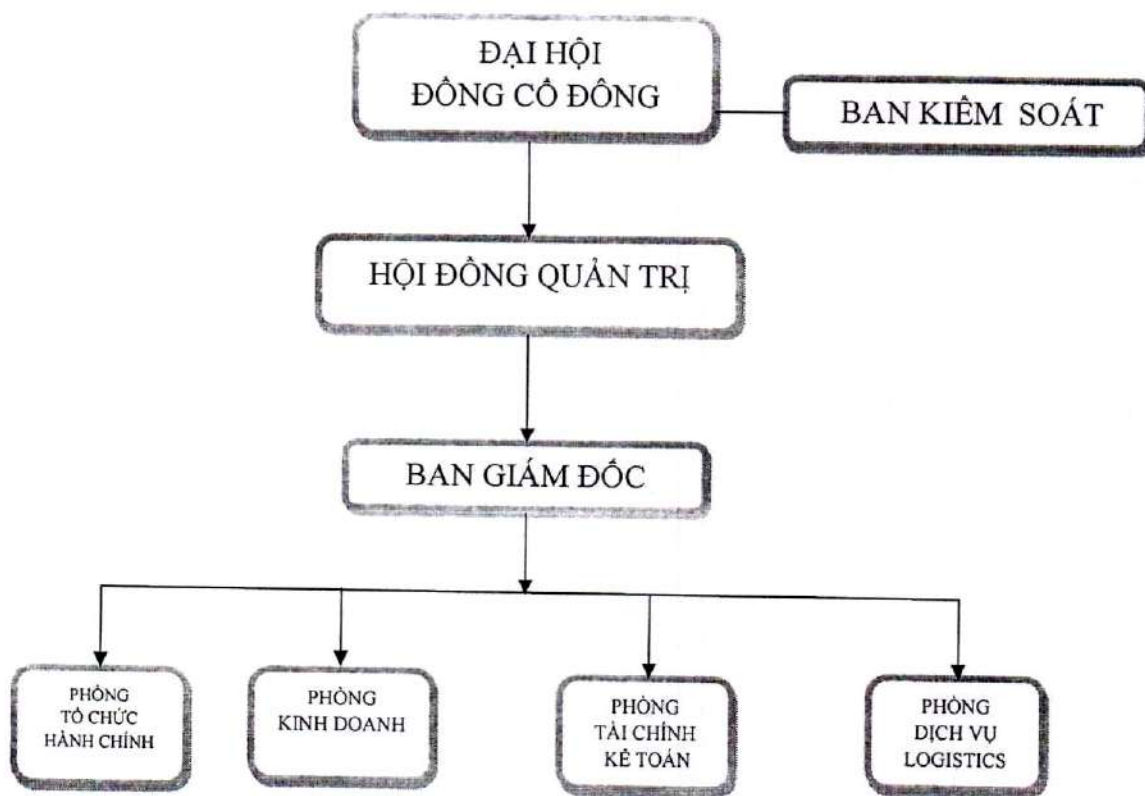
- Công ty DMC Miền Nam tự hào là đơn vị hàng đầu Việt Nam chuyên cung cấp cho thị trường trong và ngoài nước các hóa chất và dịch vụ kỹ thuật: dung dịch khoan, xử lý giếng khoan, làm sạch bằng hóa chất, xử lý môi trường, cung cấp các loại hóa chất phục

vụ tìm kiếm, thăm dò, vận chuyển, chế biến và phân phối dầu khí; cung cấp các sản phẩm hóa dầu; hóa phẩm phục vụ ngành công nghiệp dầu khí tại khu vực phía Nam.

- Chúng loại sản phẩm, dịch vụ truyền thống của Công ty DMC-Miền Nam: Xi măng G-API, Bentonite API, Bentonite NĐ, Bentonite KCN, Bentag..., Silica Flour, DMC Biosafe, DMC Super Lub và các sản phẩm khác như: Xi măng OWC các loại, Xi măng G trộn cát, Xi măng bèn sunfate type II, Xi măng bèn sunfate ASTM 1157, Barite, CaCl₂, NaCl, KCl, Soda Ash, Chất chống ăn mòn, Phân bón các loại, cung cấp sơn công nghiệp, cung cấp dầu nhớt, thiết bị...v.v.
- Các dịch vụ mà Công ty DMC Miền có kinh nghiệm như: Cung cấp dịch vụ Logistic; vận chuyển, cho thuê kho/bãi, sang bao, đóng gói....

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
 ➤ Mô hình quản trị

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC



- Cơ cấu bộ máy quản lý:
 - Hội đồng Quản trị: 05 thành viên
 - Ban Giám đốc: 01 Giám đốc (UV HĐQT kiêm GD) và 01 Phó Giám đốc
 - Ban Kiểm soát: 03 thành viên
 - Các Phòng: 04
- Các công ty con, công ty liên kết: Không có

4. Định hướng phát triển:

- Định hướng phát triển

- Trở thành nhà cung cấp hàng đầu các loại hóa chất cho khoan và khai thác dầu khí tại khu vực phía Nam.
- Cung cấp dịch vụ và sản phẩm chuyên nghiệp, đáp ứng ngày càng cao tiêu chuẩn của khách hàng.
- Phát triển và mở rộng hoạt động dịch vụ Logistics tại khu vực các tỉnh phía Nam theo hướng chuyên nghiệp, hiệu quả.
- Phân đầu tham gia các chuỗi liên kết cung ứng hàng hóa cho ngành dầu khí và các ngành công nghiệp, dịch vụ khác trong khu vực.
- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty
 - Xây dựng và phát triển công ty trên 2 lĩnh vực: Kinh doanh và dịch vụ Logistic. Đây là 2 lĩnh vực cốt lõi của Công ty cần tập trung phát triển, trong đó cần phát huy hiệu quả dịch vụ Logistic đảm bảo hoạt động ngày càng chuyên nghiệp hơn.
 - Tập trung đẩy mạnh, nâng cao năng lực kinh doanh nhằm tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường cung cấp hóa chất phục vụ công tác khoan, thăm dò và khai thác Dầu khí và thị trường ngoài ngành dầu khí.
 - Xây dựng các giải pháp Marketing nhằm tăng thị phần cung cấp hàng hóa đối với các khách hàng truyền thống. Đồng thời tìm kiếm, phát triển và mở rộng thêm thị trường mới để tiêu thụ các sản phẩm Công ty có khả năng cung cấp.
 - Nâng cao thu nhập, đảm bảo đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động.
- Chiến lược phát triển trung và dài hạn
- *Lĩnh vực kinh doanh:*
 - + *Thị trường trong ngành dầu khí:* Công ty DMC Miền Nam chủ yếu cung cấp các sản phẩm cho lĩnh vực khoan và khai thác dầu khí. Giai đoạn 2021-2025, kế hoạch khoan của các nhà thầu gần như không tăng trưởng nên sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh dịch vụ của Công ty trong các năm tới. Vì vậy, ngoài việc giữ vững thị trường truyền thống, Công ty DMC Miền Nam sẽ tiếp tục phối hợp với các nhà thầu quốc tế để chào hàng và xuất khẩu các sản phẩm thế mạnh của Công ty ra khu vực Đông Nam Á.
 - + *Thị trường ngoài ngành dầu khí:* Tiếp tục ưu tiên tìm kiếm và phát triển các sản phẩm mới, dịch vụ mới và thị trường mới cho trong và ngoài ngành dầu khí, phân đầu chiếm tỷ trọng doanh thu trên 50%.
- *Đối với lĩnh vực dịch vụ:*
 - Phát triển và mở rộng hoạt động dịch vụ Logistics tại khu vực các tỉnh phía Nam theo hướng chuyên nghiệp, hiệu quả cho các đơn vị trực thuộc Tổng công ty và trong ngành Dầu khí đóng trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và các tỉnh phía Nam.
 - Phân đầu tham gia các chuỗi liên kết cung ứng hàng hóa cho ngành dầu khí và các ngành công nghiệp, dịch vụ khác trong khu vực.
- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và công đồng): Luôn tuân thủ các quy định pháp luật có liên quan đến việc bảo vệ môi trường trong mọi hoạt động kinh doanh và dịch vụ của Công ty.

5. Các rủi ro: (Nêu các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc đối với việc thực hiện các mục tiêu của Công ty, trong đó có rủi ro về môi trường, thiên tai, dịch bệnh,...)

Hoạt động dầu khí tiềm ẩn rất nhiều yếu tố rủi ro như: Thiên tai, dịch bệnh, tỷ giá, thị trường và biến động giá xăng dầu ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của các công ty dầu khí về doanh thu, lợi nhuận... Trong đó rủi ro về biến động giá dầu và rủi ro tài chính là 2 yếu tố ảnh hưởng lớn đến các hoạt động các công ty dầu khí nói chung và Công ty DMC Miền Nam nói riêng, cụ thể:

+ Rủi ro giá dầu là rủi ro có ảnh hưởng lớn nhất được biết đến từ cuối năm 2014, khi giá dầu giảm mạnh từ 111 USD/ thùng (tháng 6/2014), xuống khoảng trên dưới 50 USD/thùng (cuối năm 2014) và có thời điểm xuống dưới 30 USD/thùng (đầu năm 2016). Giá dầu chỉ phục hồi trở lại vào giai đoạn cuối năm 2018, 60 - 70USD/thùng năm 2019, và ở ngưỡng 80-90 USD/thùng (cuối năm 2022). Biến động của giá dầu ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của các công ty dầu khí về doanh thu, lợi nhuận và việc đầu tư các dự án mới... vv....

+ Rủi ro tài chính:

Rủi ro tỷ giá: Do sự trao đổi thương mại bằng các đồng tiền khác nhau hoặc vay nợ bằng ngoại tệ nên tỷ giá ảnh hưởng trực tiếp đến các doanh nghiệp dầu khí.

Rủi ro lãi suất: Do các dự án dầu khí đòi hỏi nguồn vốn lớn nên rủi ro về huy động vốn đối với doanh nghiệp cũng rất lớn. Các dự án dầu khí có quy mô lớn thường do ngân hàng quốc tế uy tín hoặc các ngân hàng thương mại trong nước hợp vốn cho vay. Do vậy, khi lãi suất biến động sẽ ảnh hưởng trực tiếp tới chi phí đầu tư dự án.

Rủi ro về chi phí thăm dò, khai thác biến động theo giá dầu, lãi vay...

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động kinh doanh dịch vụ

Thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh dịch vụ năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh dịch vụ của Công ty cụ thể các chỉ tiêu kế hoạch đạt được như sau:

- Sản lượng tiêu thụ 48.096 tấn/45.300 tấn, đạt 83.9 kế hoạch và giảm 13.9% so với thực hiện cùng kỳ năm 2021.
- Doanh thu 354.09 tỷ đồng/300 tỷ đồng, đạt 118% kế hoạch và tăng 108.07% so với thực hiện cùng kỳ năm 2021.
- Lợi nhuận 3.17 tỷ đồng, đạt 72% so với kế hoạch điều chỉnh và giảm so với thực hiện cùng kỳ năm 2021.
- Nộp ngân sách nhà nước là 2.1 tỷ đồng/3.0 tỷ đồng, đạt 70.5% kế hoạch và 87.2% so với thực hiện cùng kỳ năm 2021.
- Thu nhập bình quân 14.8 tr.đ/ng/thg, đạt 101.9% kế hoạch và tăng 4.01% so với thực hiện cùng kỳ năm 2021.
- Năng suất lao động BQ là 719.7 tr.đ/người/tháng, đạt 152.6% kế hoạch và tăng 108.2% so với thực hiện cùng kỳ năm 2021.
- Kết quả thực hiện mức tiết giảm chi phí năm 2022 của DMC Miền Nam là 160 tr.đ/150 tr.đ, đạt 106.7% kế hoạch.

Để đạt được các chỉ tiêu hoạt động SXKD như trên, DMC Miền Nam đã thực hiện được một số nhiệm vụ quan trọng sau:

➤ Công tác kinh doanh

- Công ty DMC Miền Nam đã cung cấp các loại hóa phẩm như Bentonite-API, Xi măng G, Xi măng G trộn cát và các hóa chất khác cho Vietsovpetro, Halliburton, MI-VN, Schlumberger, PVD-Bakerhuges, BakerHuges Asia Pacific,...; Đồng thời tiếp tục tham gia chào giá các loại hóa chất cho khoan dầu khí như Barite, Bentonite, Hóa chất cho khai thác dầu khí,... cho các đối tác nước ngoài.
- Tiếp tục chào hàng và cung cấp Bentonite các loại, Dầu bôi trơn DMC Superlub, hóa phẩm CMC và các loại hoá chất khác cho các khách hàng ngoài ngành dầu khí.
- Công ty đang tập trung phát triển thị trường phân bón cho nông nghiệp, các nguyên liệu dùng sản xuất cồn công nghiệp etanol và một số sản phẩm khác thị trường đang có nhu cầu.

➤ Công tác dịch vụ

- Thực hiện các hợp đồng cung cấp dịch vụ giao nhận và vận chuyển hàng hóa cho Chi nhánh PVChem - CS, MI Việt Nam, PVChem-ITS, DMC và một số đơn vị trong ngành khác.
- Thực hiện cung cấp dịch vụ Logistic cho các nhà thầu dầu khí của chủ mỏ ENI tại Đà Nẵng; Đồng thời tiếp tục tìm kiếm thêm khách hàng để đẩy mạnh mở rộng phát triển công tác dịch vụ tại 24/8 Lê Thánh Tông.

➤ Một số nhiệm vụ khác thực hiện trong năm 2022

- Tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 được tổ chức vào ngày 21/4/2022.
- Hoàn thiện sửa đổi, bổ sung Điều lệ và các Quy chế, quy định nội bộ của Công ty phù hợp với Luật Doanh nghiệp mới năm 2020.
- Công tác tổ chức cơ cấu lại các sản phẩm kinh doanh; Nâng cao chất lượng dịch vụ; Công tác tìm kiếm mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm truyền thống và một số sản phẩm mới; Thực hành tiết kiệm, giảm tối đa chi phí quản lý để đảm bảo hoàn thành lợi nhuận của công ty.

2. Tổ chức và nhân sự

- Danh sách Ban điều hành:

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

* Chủ tịch HĐQT: Ông Nguyễn Quốc Túy

- Ngày sinh: 10 tháng 09 năm 1972
- Quê quán: Xã Hải Trung, Huyện Hải Hậu, Tỉnh Nam Định
- Địa chỉ thường trú: Số nhà 12, dãy A12, khu đô thị Đầm Trấu, Phường Bạch Đằng, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh
- Chức vụ hiện nay: Chủ tịch HĐQT
- Ngày được bổ nhiệm: 06/02/2017
- Số lượng cổ phần sở hữu: 0 CP. Tỷ lệ sở hữu CP: 0 %;
- Số lượng cổ phần đại diện: 1.508.300 CP, tỷ lệ: 37.71%

* **Ủy viên HĐQT kiêm Giám đốc: Bà Đỗ Thị Huyền**

- Ngày sinh: 13/01/1968
- Quê quán: Phú Yên, Thọ Xuân, Thanh Hóa
- Địa chỉ thường trú: 09 Đ7 TT Chí Linh, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính Kế toán
- Chức vụ hiện nay: Ủy viên HĐQT
- Ngày được bổ nhiệm: 22/4/2021
- Số lượng cổ phần sở hữu: 19.500 CP. Tỷ lệ sở hữu CP: 0,488%
- Số lượng cổ phần đại diện: 1.240.000 CP. Tỷ lệ đại diện: 31%

* **Ủy viên HĐQT: Ông Đinh Việt An**

- Ngày sinh: 10/01/1972
- Quê quán: Diễn Quang, Diễn Châu, Nghệ An.
- Địa chỉ thường trú: Số 99/3 Chu Mạnh Trinh, Phường 8, TP Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện
- Chức vụ hiện nay: Ủy viên HĐQT
- Ngày được bổ nhiệm: 22/4/2021
- Số lượng cổ phần sở hữu: 4.900 CP. Tỷ lệ sở hữu CP: 0,123%

* **Ủy viên HĐQT: Ông Đặng Trung Hiếu**

- Ngày sinh: 06/02/1980
- Quê quán: Xuân Thành, Xuân Trường, Nam Định
- Địa chỉ thường trú: Số 12 ngách 22, ngõ 4, Phương Mai, Đống Đa, Hà Nội
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Chức vụ hiện nay: Ủy viên HĐQT
- Ngày được bổ nhiệm: 21/4/2022
- Số lượng cổ phần sở hữu: 0 CP. Tỷ lệ sở hữu CP: 0%
- Số lượng cổ phần đại diện: 800.000 cp, tỷ lệ: 20%

* **Ủy viên HĐQT: Bà Nguyễn Thị Ngọc Tuyền**

- Ngày sinh: 17/6/1964
- Quê quán: Xã Hải Trung, Hải Hậu, Nam Định
- Địa chỉ thường trú: Số nhà 18A4 Đầm Trấu, Phường Bạch Đằng, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- Chức vụ hiện nay: Ủy viên HĐQT Công ty
- Ngày được bổ nhiệm: 28/3/2017
- Số cổ phần sở hữu: 0 CP. Tỷ lệ sở hữu CP: 0%

BAN GIÁM ĐỐC

* **Giám đốc (Ủy viên HĐQT kiêm Giám đốc): Bà Đỗ Thị Huyền**

- Ngày sinh: 13/01/1968

- Quê quán: Phú Yên, Thọ Xuân, Thanh Hóa
- Địa chỉ thường trú: 09 Đ7 TT Chí Linh, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính Kế toán
- Chức vụ hiện nay: Giám đốc Công ty
- Ngày được bổ nhiệm: 06/02/2017
- Số lượng cổ phần sở hữu: 195.00 cp. Tỷ lệ sở hữu CP: 0.488%
- Số lượng cổ phần đại diện: 1.240.000 cp, tỷ lệ: 31%

*** Phó Giám đốc: Ông Bùi Đình Bá**

- Ngày sinh: 10/6/1964
- Quê quán: Đức Phong, Mộ Đức, Quảng Ngãi
- Địa chỉ thường trú: Số 286/15A Lê Hồng Phong, Phường 4, TP Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Hóa
- Chức vụ hiện nay: Phó Giám đốc Công ty DMC Miền Nam
- Ngày được bổ nhiệm: Tháng 6/2011
- Số lượng cổ phần sở hữu: 4.000 CP. Tỷ lệ sở hữu CP: 0.10%

*** Kế toán trưởng: Bà Bùi Thị Hường**

- Ngày sinh: 03/6/1978
- Quê quán: Xích Thổ, Nho Quan, Ninh Bình
- Địa chỉ thường trú: 17/2/16 Võ Văn Tần, Phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- Chức vụ hiện nay: Kế toán trưởng, Công ty DMC Miền Nam
- Ngày được bổ nhiệm: 01/01/2023
- Số lượng cổ phần sở hữu: 1.700 CP. Tỷ lệ sở hữu CP: 0.04%

BAN KIỂM SOÁT

*** Trưởng Ban KS: Ông Dương Thế Nhân**

- Ngày sinh: 10/8/1966
- Quê quán: Nghi Long, Nghi Lộc, Nghệ An
- Địa chỉ thường trú: 184 Bình Giã, Phường 8, Tp Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Chức vụ hiện nay: Trưởng Ban Kiểm soát, Trưởng phòng Dịch vụ Logistics Công ty DMC Miền Nam
- Ngày được bổ nhiệm: 21/4/2022
- Số lượng cổ phần sở hữu: 0 CP. Tỷ lệ sở hữu CP: 0%

*** Thành viên BKS: Bà Nguyễn Thị Thu Thuận**

- Ngày sinh: 18/8/1974
- Quê quán: Thị trấn Sơn Tịnh, Sơn Tịnh, Quảng Ngãi
- Địa chỉ thường trú: 846LKE14 Bình Giã, P.Rạch Dừa, TP.Vũng Tàu, tỉnh BRVT
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Hóa
- Chức vụ hiện nay: Thành viên Ban kiểm soát Công ty

- Ngày được bổ nhiệm: 22/4/2021
- Số lượng cổ phần sở hữu: 2.800 CP. Tỷ lệ sở hữu CP: 0.07%

*** Thành viên BKS: Ông Nguyễn Y Linh**

- Ngày sinh: 28/12/1972
 - Quê quán: Phúc Yên, Mê Linh, Vĩnh Phúc
 - Địa chỉ thường trú: 201A6 Tập thể Đá hoa An Dương, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội
 - Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
 - Chức vụ hiện nay: Thành viên BKS Công ty
 - Ngày được bổ nhiệm: 02/02/2017
 - Số lượng cổ phần sở hữu 0 cp. Tỷ lệ sở hữu CP: 0 %
- Những thay đổi trong Ban điều hành: Trong năm 2022 có sự thay đổi:
- + Ngày 21/4/2022 Đại hội đồng cổ đông thông qua bổ nhiệm Ông Đặng Trung Hiếu, giữ chức Ủy viên HĐQT thay thế ông Nguyễn Trọng Hàm.
 - + Ngày 21/4/2022 Đại hội đồng cổ đông thông qua bổ nhiệm Ông Dương Thế Nhân, giữ chức thành viên Ban kiểm soát thay thế Bà Vũ Thị Nhân.
- Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động (Số lượng lao động tính đến 31/12/2022)

TT	Trình độ	Số lượng	Tỷ lệ %
1	Trên ĐH	2	4.88%
2	ĐH	15	36.59%
3	Cao đẳng	2	4.88%
4	Trung cấp	3	7.32%
5	CNKT	14	34.15%
6	Phổ thông	5	12.20%
	Tổng	41	100%

- Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với Người lao động:
 - + Thời gian làm việc: Công ty thực hiện làm việc 40h/tuần. Một số bộ phận có thể làm việc nhiều hơn 40 giờ nhưng không vượt quá 48 giờ trong 01 tuần. Ngoài ra, khi cần yêu cầu nhân viên làm thêm giờ, Công ty thực hiện các chế độ đãi ngộ thỏa đáng cho người lao động theo đúng quy định của pháp luật. Nhân viên được nghỉ phép nghỉ lễ, Tết, ốm đau thai sản thực hiện theo quy định của Bộ Luật lao động..
 - + Điều kiện làm việc: Văn phòng, địa điểm làm việc được thiết kế khang trang, thoáng mát.
 - + Chính sách đào tạo: Công tác đào tạo cho người lao động luôn được Công ty chú trọng với mục tiêu nâng cao chất lượng chuyên môn và nghiệp vụ của nguồn nhân lực. Có chương trình đào tạo nghề cho những công nhân mới chưa có kinh nghiệm; tổ chức tập huấn định kỳ trong công tác phòng chống cháy nổ; bồi dưỡng CBCNV tham gia học các lớp về an toàn lao động; sơ cấp cứu hàng năm nhằm phục vụ nhu cầu cần

thiết trong lĩnh vực sản xuất.

+ Chính sách lương, thưởng, trợ cấp, BHXH: Công ty đang áp dụng việc chi trả tiền lương và chế độ chính sách của người lao động được áp dụng theo Quy chế Tiền lương, Tiền thưởng và phụ cấp lương của Công ty và các Quyết định về tiền lương, tiền thưởng của Công ty, đảm bảo tiền lương của người lao động không thấp hơn mức lương tối thiểu vùng. Ngoài ra thực hiện chế độ thưởng tháng lương 13 và các ngày lễ theo quy định, phù hợp tình hình tài chính tại đơn vị. Thực hiện đầy đủ các quyền, lợi ích hợp pháp của người lao động theo quy định của pháp luật; 100% người lao động trong Công ty được đóng BHXH, BHYT, BHTN. Thực hiện việc quản lý hồ sơ, cấp sổ, cấp thẻ và chi trả các chế độ BHXH đầy đủ, kịp thời, đúng quy định.

+ Chính sách quản lý được Công ty cải tiến thông qua việc rà soát, sửa đổi Hệ thống văn bản quản lý nội bộ phù hợp với quy định mới của pháp luật và yêu cầu thực tế hoạt động kinh doanh dịch vụ của Công ty.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a. Các khoản đầu tư lớn: Năm 2022 công ty DMC Miền Nam không thực hiện đầu tư.

b. Các công ty con, công ty liên kết: Không có

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

* Các chỉ tiêu cơ bản

ĐVT: đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	% tăng/giảm
1	Tổng giá trị tài sản	89.970.023.106	112.380.199.481	24,91%
2	Doanh thu thuần	326.413.881.860	354.088.953.589	8,48%
3	Lợi nhuận từ hoạt động Kinh doanh	6.301.746.027	3.831.290.800	(39,20%)
4	Lợi nhuận khác	340.328.672	172.835.858	(49,22%)
5	Lợi nhuận trước thuế	6.642.074.699	4.004.126.658	(39,72%)
6	Lợi nhuận sau thuế	5.277.369.331	3.172.047.946	(39,89%)
7	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	12%		

Năm 2022, tiếp tục là một năm Công ty DMC Miền Nam phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức do sự biến động của thị trường, giá cả hàng hoá đầu vào tăng cao đột biến, sản phẩm kinh doanh đa dạng nhưng nguồn hàng phụ thuộc lớn vào nhà cung cấp, thiếu yếu tố cạnh tranh; Nhu cầu về nguồn hàng làm dịch vụ logistic và cho thuê kho bãi thấp làm ảnh hưởng không nhỏ đến kết quả hoạt động kinh doanh, dịch vụ của Công ty. Công ty DMC Miền Nam đã nỗ lực cố gắng trong các hoạt động kinh doanh dịch vụ để đạt được lợi nhuận ở mức cao nhất có thể.

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

STT	Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	% tăng giảm
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
	<i>Hệ số thanh toán ngắn hạn (TSNH/Nợ NH)</i>			
	<i>Tài sản ngắn hạn/ Nợ ngắn hạn</i>	2,01	1,62	-19%
	<i>Hệ số thanh toán nhanh(TSNH-HTK/ Nợ NH)</i>			
	<i>Tài sản ngắn hạn – Hàng tồn kho Nợ ngắn hạn</i>	1,55	1,38	-11%
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
	<i>Hệ số nợ /Tổng tài sản</i>	0,49	0,61	24%
	<i>Hệ số nợ /Vốn chủ sở hữu</i>	0,94	1,55	65%
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động vòng quay hàng tồn kho			
	+ <i>Vòng quay HTK (GV hàng bán /HTK)</i>			
	<i>Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân</i>	15,36	18,34	19%
	+ <i>Vòng quay tổng tài sản</i>			
	<i>Doanh thu thuần /Tổng tài sản bình quân</i>	0,89	1,57	76%
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
	<i>Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần</i>	0,02	0,01	-45%
	<i>Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu</i>	0,11	0,07	-37%
	<i>Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản</i>	0,06	0,03	-52%
	<i>Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần</i>	0,02	0,01	-44%

Trong điều kiện nền kinh tế còn gặp nhiều khó khăn, Công ty DMC Miền Nam luôn đề cao vai trò quản trị doanh nghiệp, đặc biệt là quản trị dòng tiền và các khoản nợ tiềm tàng nhằm đảm bảo khả năng tài chính tốt để tăng cường năng lực hoạt động của Công ty. Năm 2022 Công ty DMC Miền Nam đã duy trì tốt trong việc cân đối dòng tiền từ các nguồn thu của khách hàng và sự hỗ trợ của đối tác để đảm bảo vốn lưu động phục vụ cho hoạt động KDDV của đơn vị và thanh toán các khoản nợ đến hạn.

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Cơ cấu cổ đông tại thời điểm ngày 31/12/2022	Tỷ lệ (%)	số cổ phần	Giá trị (đồng)
Tổng Công ty hóa chất và dịch vụ Dầu khí-CTCP	51.00%	2,040,000	20.400.000.000
Công ty Cổ phần Sản xuất và Xuất nhập khẩu Phú Thịnh	37.71%	1,508,300	15.083.000.000
Các cổ đông khác	11.29%	451,700	4,517,000,000

Cộng :		4,000,000	40,000,000,000
---------------	--	------------------	-----------------------

- Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: không có
 - Giao dịch cổ phiếu quỹ: không có
 - Các chứng khoán khác: không có
6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty
- 6.1. Tác động lên môi trường
- Do đặc thù hoạt động của Công ty là kinh doanh và dịch vụ, không có hoạt động sản xuất, vì vậy tại công ty không có lượng phát thải khí nhà kính.
- 6.2. Quản lý nguồn nguyên liệu
- Trong năm 2022 Công ty DMC Miền Nam không sử dụng lượng nguyên vật liệu để đóng gói các sản phẩm.
 - Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu tái chế được sử dụng để dịch vụ chính trong năm: không có
- 6.3. Tiêu thụ năng lượng:
- Năng lượng điện tiêu thụ gián tiếp: 64.260 KWh.
 - Năng lượng điện tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: 0
- 6.4. Tiêu thụ nước:
- Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng
 - + Khu vực thành phố Vũng Tàu: Công ty Cổ phần cấp nước Bà Rịa-Vũng Tàu; Lượng nước sử dụng: 873 m³
 - Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: 0
- 6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:
- Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ pháp luật và các quy định về môi trường:
 Năm 2022, Công ty Cổ phần Hóa phẩm Dầu khí DMC Miền Nam đã thực hiện đầy đủ các quy định về pháp luật bảo vệ môi trường như: Thu gom, lưu giữ, vận chuyển và xử lý chất thải; quan trắc môi trường định kỳ; thu gom, lưu giữ, vận chuyển và xử lý chất thải sinh hoạt,
 Số lần bị xử phạt vi phạm: Do tuân thủ pháp luật và các quy định về môi trường:
 Năm 2022 Công ty Cổ phần Hóa phẩm dầu khí DMC Miền Nam không vi phạm về pháp luật bảo vệ môi trường (số lần bị xử phạt 0 lần)
 - Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ pháp luật và các quy định về môi trường: Năm 2022 Công ty Cổ phần Hóa phẩm dầu khí DMC Miền Nam không bị xử phạt về vi phạm do không tuân thủ pháp luật và quy định về môi trường.
- 6.6. Chính sách liên quan đến người lao động

Số lượng CBCNV (thời điểm 31.12.2022): 41 người

TT	Trình độ	Số lượng	Tỷ lệ %
1	Trên ĐH	2	4.88%
2	ĐH	15	36.59%
3	Cao đẳng	2	4.88%
4	Trung cấp	3	7.32%
5	CNKT	14	34.15%

6	Phổ thông	5	12.20%
	Tổng	41	100%

Mức lương bình quân

- Tiền lương bình quân năm 2022: 11,716,820 đồng/người/tháng
- Thu nhập bình quân năm 2022: 14,388,452 đồng/người/tháng
- Tiền lương và thu nhập bình quân của CBCNV Công ty trong 5 năm gần đây được thể hiện qua bảng sau:

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022
Tiền lương BQ (đ/ng/th)	6,343,734	9,495,715	11,871,938	12,027,922	11,716,820
Thu nhập BQ (đ/ng/th)	8,192,658	11,371,871	13,824,850	14,186,693	14,388,452

- Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động Công ty thực hiện đầy đủ chế độ chính sách đối với người lao động theo Quy định của Nhà nước và Công ty;

Chính sách khuyến khích vật chất:

- Trợ cấp khó khăn cho những CBCNV gặp khó khăn trong cuộc sống hoặc mắc bệnh hiểm nghèo.
- Chi tiền may trang phục quần áo, chi tiền quà ngày Lễ, Tết ... cho CBCNV.

Chính sách khuyến khích về tinh thần:

Tạo điều kiện cho CBCNV được học tập, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; CBCNV được tham gia trong các phong trào sinh hoạt quần chúng như thể thao của ngành, chương trình uống nước nhớ nguồn và các hoạt động khác do Công đoàn và Đoàn thanh niên phát động...

Chính sách an sinh Xã hội: Công ty thực hiện đầy đủ các quyền, lợi ích hợp pháp của người lao động theo quy định; 100% người lao động trong Công ty được đóng BHXH, BHYT, BHTN; Luôn quan tâm và dành một khoản kinh phí để thăm hỏi, hỗ trợ, động viên kịp thời những CBCNV có hoàn cảnh khó khăn, bị ốm đau, mắc bệnh hiểm nghèo, có việc hiếu, hi; ủng hộ đồng bào gặp thiên tai....

Hoạt động đào tạo người lao động:

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên:
Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm: 500 giờ, trong đó: Công nhân viên: 400 giờ; Lãnh đạo: 100 giờ. Năm 2022, DMC Miền Nam đã thực hiện 71 lượt đào tạo cho CBCNV Công ty, với kinh phí là 30 triệu đồng.
- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp: Hàng năm Công ty có lập kế hoạch đào tạo nâng cao chuyên môn nghiệp vụ CBCNV Công ty để đảm bảo phục vụ tốt hơn công việc và đáp ứng được nhu cầu nhân sự cho hoạt động kinh doanh dịch vụ của Công ty, cụ thể: Lốp huấn

luyện kỹ thuật an toàn sử dụng hóa chất, lớp Huấn luyện ATVSLĐ theo ND số 44.2016/ND-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ, lớp huấn luyện và thực tập phương án chữa cháy và cứu nạn cứu hộ,...

6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương: các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng:

Công tác An sinh xã hội hướng tới cộng đồng luôn là một trong những hoạt động được Công ty DMC Miền Nam quan tâm và thực hiện thông qua hoạt động của các tổ chức đoàn thể như tham gia vào các chương trình thiện nguyện của địa phương, ủng hộ đồng bào vùng bão lũ, đóng góp xây nhà tình nghĩa cho người dân có hoàn cảnh khó khăn tại tỉnh Hà Giang...

6.8. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN: Không có

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc (Ban Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của Công ty)

1. Đánh giá kết quả hoạt động SXKD

Năm 2022, tiếp tục là một năm Công ty DMC - Miền Nam phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức do sự biến động của thị trường, của dịch bệnh covid-19, giá dầu tăng cao và cuộc xung đột Nga – Ukraine ảnh hưởng đến chi phí hàng hoá, nguyên vật liệu đầu vào tăng cao, sản phẩm kinh doanh đa dạng nhưng nguồn hàng phụ thuộc lớn vào nhà cung cấp, thiếu yếu tố cạnh tranh; Nhu cầu về nguồn hàng làm dịch vụ logistic và cho thuê kho bãi thấp làm ảnh hưởng không nhỏ đến kết quả hoạt động kinh doanh, dịch vụ của Công ty. Mặc dù, có rất nhiều khó khăn nhưng với sự cố gắng nỗ lực của Ban lãnh đạo cùng toàn thể CBCNV công ty vẫn đảm bảo lợi nhuận có lãi (Lợi nhuận trước thuế năm 2022 là 4 tỷ đồng) và đảm bảo công ăn việc làm, lương thưởng cho người lao động (14.8 triệu đồng/người/tháng).

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản:

Tại thời điểm ngày 31.12.2022 quy mô tổng tài sản của Công ty đạt 112,38 tỷ đồng tăng 24,91% so với cùng kỳ năm 2021 (112,38/89,97 tỷ). Nguyên nhân chủ yếu là do các chỉ tiêu như nợ phải thu ngắn hạn tăng 58,27% so với đầu năm; dự trữ tiền tăng 58,26% so với đầu năm, đầu tư tài chính ngắn hạn tăng 16% so với cuối năm 2021.

b) Tình hình nợ phải trả

Tại thời điểm 31.12.2022 số dư nợ phải trả là 68,252 tỷ đồng tăng 56,27% so với cùng kỳ năm 2021, trong đó nợ phải trả người bán là 67,54 tỷ đồng. Tổng nợ phải trả người bán trong hạn là 63,31 tỷ đồng, nợ quá hạn dưới 6 tháng là 4,24 tỷ đồng.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

*** Cơ cấu tổ chức nhân sự:**

Năm 2022, tình hình kinh doanh dịch vụ và bố trí việc làm cho người lao động của Công ty đã từng bước đi vào ổn định. Công ty thường xuyên rà soát, sắp xếp và bố trí nhân sự phù hợp với từng vị trí công việc để nâng cao hiệu quả sử dụng lao động

Về cơ bản đội ngũ lãnh đạo của Công ty hiện nay đã đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chính trị của Tổng Công ty PVChem cũng như đáp ứng được yêu cầu phát triển của Công ty.

Thực hiện thủ tục thay đổi nhân sự thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát theo văn bản giới thiệu của Tổng Công ty PVChem từ 19/4/2022.

* Chính sách quản lý được Công ty DMC Miền Nam cải tiến thông qua việc sửa đổi Hệ thống văn bản quản lý nội bộ. Công ty đang tiếp tục rà soát và bổ sung các Văn bản quản lý nội bộ phù hợp với yêu cầu thực tế và theo quy định của Pháp luật.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Giai đoạn 2021 – 2025:

✓ *Lĩnh vực kinh doanh:*

- *Thị trường trong ngành dầu khí:* Trong giai đoạn 2021-2025, Công ty DMC Miền Nam sẽ tiếp tục phối hợp với các nhà thầu dịch vụ quốc tế để chào hàng và xuất khẩu các sản phẩm thế mạnh của Công ty ra khu vực Đông Nam Á. Năng lực sản xuất và cung cấp các sản phẩm/dịch vụ luôn lớn hơn nhu cầu của thị trường trong nước nên cần thiết phải phát triển thêm thị trường mới, khách hàng mới.
- *Thị trường ngoài ngành dầu khí:* Tiếp tục ưu tiên tìm kiếm và phát triển các sản phẩm mới, dịch vụ mới và thị trường mới cho trong và ngoài ngành dầu khí, phấn đấu chiếm tỷ trọng doanh thu trên 50%.
- *Đánh giá đối thủ cạnh tranh, thị phần của doanh nghiệp giai đoạn 2021-2025:* Các đối thủ cạnh tranh các sản phẩm/dịch vụ rất nhiều bao gồm các công ty trong và ngoài ngành dầu khí, các công ty nước ngoài có năng lực và nhiều kinh nghiệm nên dự báo hoạt động kinh doanh sẽ gặp rất nhiều khó khăn. Thị phần của doanh nghiệp đối với sản phẩm Xi măng G hiện cung cấp 100% cho ngành dầu khí, các hàng hóa khác hiện cung cấp khoảng 40-50% nhu cầu toàn ngành.

✓ *Đối với lĩnh vực dịch vụ:*

- Phát triển và mở rộng hoạt động dịch vụ Logistics tại khu vực các tỉnh phía Nam trong đó ưu tiên cung cấp dịch vụ cho các đơn vị trực thuộc Tổng công ty và các đơn vị trong ngành Dầu khí đóng trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và các tỉnh phía Nam.
- Đào tạo nâng cao trình độ cho kỹ sư, công nhân để có thể tham gia hỗ trợ kỹ thuật, nhân công ngoài giàn khoan cho các nhà thầu dầu khí các dịch vụ như dung dịch khoan, dịch vụ trám xi măng, xử lý vùng cận đáy giếng, tăng cường thu hồi dầu,...vv.

Giai đoạn 2026 – 2035: Khẳng định vị thế trên thị trường trong nước và quốc tế

- Là công ty có uy tín trong lĩnh vực cung cấp hóa phẩm dầu khí trên thị trường trong nước và quốc tế.
 - Duy trì tốc độ tăng trưởng từ 8-10% đối với các sản phẩm truyền thống của Công ty.
 - Cung cấp dịch vụ chuyên nghiệp, trọn gói cho các Công ty trong nước và nước ngoài đóng trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu và các tỉnh phía Nam.
 - Mở rộng lĩnh vực hoạt động/ cung cấp sản phẩm, dịch vụ trọn gói phục vụ ngành dầu khí.
 - Duy trì tăng trưởng lợi nhuận và chia cổ tức hàng năm đạt trên từ 10-15%.
5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: Không có
6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...)

Công ty nhận thức được về trách nhiệm trong công tác bảo vệ môi trường đối với cộng đồng, xã hội và đã thực hiện quan trắc môi trường định kỳ theo đúng quy định của pháp luật.

- *Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...).* Về các chỉ tiêu môi trường về tiêu thụ nước, năng lượng và phát thải: về tiêu thụ nước chủ yếu là nước sinh hoạt đều nằm trong quy định sử dụng. Về tiêu thụ năng lượng chủ yếu là năng lượng điện, qua kết quả của quan trắc môi trường các chỉ tiêu đều nằm trong giới hạn cho phép.
- *Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động:*
 - Tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho toàn thể CBCNV
 - Trang bị đầy đủ các phương tiện BHLĐ cho người lao động
 - Trang bị đầy đủ thuốc men, dụng cụ y tế và tổ chức khóa học Sơ cấp cứu tại chỗ
 - Thực hiện đo kiểm môi trường lao động nhằm đánh giá kiểm soát điều kiện lao động, thực hiện chế độ bồi dưỡng độc hại cho người lao động.
 - Liên tục thực hiện HTQLCL An toàn- Môi trường- Chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001- ISO 14001- ISO 45001.
- *Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương.* Công ty đã thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường đồng thời phối hợp với cộng đồng địa phương gìn giữ bảo vệ môi trường.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội.

Được Đại hội đồng cổ đông giao phó, các ủy viên HĐQT đều thực hiện tốt nhiệm vụ của mình, có những chỉ đạo kịp thời, hiệu quả nhằm tháo gỡ khó khăn và ổn định hoạt động kinh doanh dịch vụ của Công ty.

Trong năm 2022, HĐQT đã tổ chức 17 phiên họp thường kỳ, đột xuất và xin ý kiến, kịp thời có những định hướng đúng đắn liên quan đến mọi mặt hoạt động của Công ty thuộc thẩm quyền của HĐQT liên quan đến hoạt động SXKD, đầu tư, tài chính, nhân sự,...vv. Trình tự, thủ tục và nội dung các cuộc họp đều được tổ chức theo quy định pháp luật và Điều lệ công ty, cụ thể:

➤ Công tác quản lý, điều hành của HĐQT

- Chỉ đạo Ban điều hành tập trung mọi nguồn lực để thực hiện kế hoạch kinh doanh dịch vụ năm 2022 của Công ty;
- Chỉ đạo tiếp tục rà soát sửa đổi các quy chế/quy định nội bộ theo luật doanh nghiệp mới ban hành năm 2020 phù hợp với mô hình hoạt động của Công ty;
- HĐQT có chỉ đạo kịp thời tới Ban Giám đốc Công ty thực hiện các giải pháp tháo gỡ khó khăn trong hoạt động và triển khai các chỉ tiêu SXKD năm 2022 đã được ĐHCĐ phê duyệt;
- Giám sát/chỉ đạo Ban Giám đốc Công ty trong việc thực hiện các Nghị quyết/Quyết định của HĐQT Tổng công ty PVChem, Nghị quyết/quyết định của ĐHCĐ và của HĐQT Công ty cổ phần DMC Miền Nam;

- Chấp thuận và ủy quyền cho Giám đốc công ty thực hiện các thủ tục vay vốn bảo lãnh thực hiện hợp đồng với khách hàng để Công ty chủ động nguồn vốn phục vụ kinh doanh dịch vụ;
- Chỉ đạo thực hiện báo cáo giám sát theo quy định của pháp luật và các quy chế, quy định nội bộ;
- Chủ trì tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty trong tháng 4/2022;
- Chỉ đạo Công ty tăng cường tiết kiệm, chống lãng phí trong mọi hoạt động kinh doanh dịch vụ.

➤ **Công tác chỉ đạo hoạt động kinh doanh dịch vụ:**

- Trên cơ sở Tờ trình của Giám đốc Công ty và được sự chấp thuận của Tổng công ty PVChem, HĐQT ban hành Nghị quyết chấp thuận kế hoạch SXKD năm 2022 của Công ty.
- Hội đồng Quản trị có những chỉ đạo cụ thể để tổ chức thực hiện các nhiệm vụ SXKD. Trong đó, chú trọng đến một số nhiệm vụ cơ bản như: Công tác tổ chức cơ cấu lại các sản phẩm kinh doanh; Nâng cao chất lượng dịch vụ; Công tác tìm kiếm mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm truyền thống và một số sản phẩm mới; Thực hành tiết kiệm, giảm tối đa chi phí quản lý để đảm bảo hoàn thành lợi nhuận của công ty.

➤ **Về công tác tổ chức, nhân sự, lao động, tiền lương**

- Chấp thuận chủ trương giới thiệu nhân sự giữ chức danh Kế toán trưởng Công ty;
- Chấp thuận quỹ lương thực hiện năm 2021 và Phê duyệt quỹ lương kế hoạch năm 2022 của Công ty;
- Chấp thuận nâng bậc lương chức danh công việc cho 02 nhân sự là cán bộ lãnh đạo Công ty DMC Miền Nam;
- Chấp thuận nâng bậc lương chức danh công việc và điều chỉnh mức lương chức danh cho CBCNV Công ty;
- Chấp thuận đơn xin từ nhiệm của Ông Nguyễn Trọng Hàm - Ủy viên HĐQT Công ty DMC Miền Nam;
- Chỉ đạo việc sắp xếp lại nhân sự theo hướng tinh gọn, phù hợp với từng vị trí công việc trong công ty.

➤ **Về công tác quản lý tài chính:**

- Về công tác thu xếp vốn phục vụ kinh doanh của Công ty: HĐQT đã ban hành Nghị quyết phê duyệt hạn mức vay vốn lưu động năm 2022 để công ty chủ động vay tổ chức tín dụng phục vụ hoạt động kinh doanh;
- Phê duyệt lựa chọn và ký hợp đồng kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty DMC Miền Nam;
- Phê duyệt phương án phân phối lợi nhuận chi cổ tức năm 2021 của Công ty;

- Chỉ đạo quyết liệt trong việc quản lý tài chính trong hoạt động kinh doanh dịch vụ, nên năm 2022 về cơ bản không để phát sinh thêm nợ xấu, nợ khó đòi.
- 2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Giám đốc công ty.
 - Ban giám đốc làm việc và điều hành hoạt động của Công ty theo sự phân công trong Ban giám đốc, thực hiện đúng thẩm quyền, quy định nội bộ, quy định của pháp luật và trên cơ sở các Nghị quyết, Quyết định của cấp trên.
 - Hàng tháng, Quý Ban giám đốc tổ chức các cuộc họp giao ban định kỳ và đột xuất để lập kế hoạch, triển khai và báo cáo kết quả thực hiện các công việc được giao, đồng thời giải quyết những vướng mắc và đề xuất của các phòng chuyên môn khi thực hiện công việc.
 - Ban giám đốc Công ty luôn chủ động đề xuất các chế độ chính sách cho người lao động trình cấp có thẩm quyền phê duyệt để đảm bảo quyền lợi kịp thời cho CBCNV trong những dịp lễ, tết, nghỉ hưu và chấm dứt hợp đồng lao động.
- 3. Các kế hoạch, định hướng của HĐQT.
 - **Chỉ đạo hoạt động kinh doanh và dịch vụ:**
 - Chỉ đạo Ban điều hành triển khai các giải pháp phát triển thị trường, tăng thị phần cung cấp sản phẩm cho khách hàng truyền thống. Tìm kiếm, mở rộng thêm thị trường mới để tiêu thụ các sản phẩm DMC Miền Nam có khả năng cung cấp.
 - Theo dõi, bám sát kế hoạch khoan và kế hoạch sử dụng hàng hoá của các nhà thầu dầu khí để có các phương án kinh doanh, cung cấp hàng hoá kịp thời. Tìm kiếm thị trường kinh doanh phân bón, khí công nghiệp, sơn công nghiệp, ngô thương phẩm dùng trong sản xuất etanol.. nhằm tăng doanh thu và lợi nhuận.
 - Tập trung nguồn lực tìm kiếm cơ hội cung cấp vật tư, thiết bị cho dự án lọc hoá dầu Long Sơn và các dự án của tập đoàn tại khu vực phía Nam.
 - Mở rộng và đẩy mạnh lĩnh vực cung cấp dịch vụ Logistic tại 24/8 Lê Thánh Tông cho các khách hàng trong và ngoài ngành Dầu khí.
 - Tập trung các nguồn lực, thực hiện các giải pháp đồng bộ nhằm đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu Kế hoạch năm 2023.
 - **Hoạt động quản lý, điều hành của HĐQT**
 - Tiếp tục thực hiện chức năng quản lý của HĐQT; tăng cường phối hợp hoạt động giữa HĐQT, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc; giữa các phòng ban chuyên môn nhằm tạo ra tính tự chủ, năng động và hiệu quả trong mọi hoạt động.
 - Chỉ đạo giám sát tổ chức thực hiện các Nghị quyết/quyết định của Hội đồng quản trị.
 - Chỉ đạo và giám sát hoạt động của Công ty để kịp thời đưa ra những giải pháp mang tính định hướng nhằm tháo gỡ những khó khăn vướng mắc gặp phải trong thực tế để Công ty hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra trong năm 2023.
 - **Về hoạt động quản trị doanh nghiệp**

- Tiếp tục đơn giản hóa hệ thống quy trình nghiệp vụ theo đặc thù của từng bộ phận phù hợp với tình hình thực tế và để quản lý chặt chẽ hơn nữa hoạt động của Công ty.
- Chỉ đạo việc rà soát sửa đổi Điều lệ, các quy định/quy chế/quy trình quản lý nội bộ phù hợp với mô hình hoạt động, mục tiêu phát triển của đơn vị và phục vụ tốt nhất công tác điều hành, quản lý.
- Phối hợp chặt chẽ với Ban Kiểm soát để kiểm tra, giám sát các hoạt động của Công ty phù hợp với luật pháp của Nhà nước, Điều lệ tổ chức & hoạt động và các quy chế quản lý nội bộ của Công ty.
- Chỉ đạo tổ chức thực hiện các chế độ báo cáo theo quy định của pháp luật và các quy định nội bộ khác.

V. Quản trị Công ty

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

Họ tên	Chức vụ	Tham gia điều hành	Số lượng cp sở hữu (cp)	Tỷ lệ (%)	Ghi chú
Hội đồng quản trị					
Nguyễn Quốc Túy	Chủ tịch		0	0	Người đại diện phần vốn của Công ty Cổ phần Sản xuất và Xuất nhập khẩu Phú Thịnh tại Công ty DMC Miền Nam
Đỗ Thị Huyền	Ủy viên HĐQT, Giám đốc		19.500	0,488	Người đại diện phần vốn của Tcty PVChem tại Công ty DMC Miền Nam
Đình Viết An	Ủy viên		4.900	0,123	
Đặng Trung Hiếu	Ủy viên		0	0	Người đại diện phần vốn của Tcty PVChem tại Công ty DMC Miền Nam
Nguyễn Thị Ngọc Tuyền	Ủy viên		0	0	Người đại diện của Công ty Cổ phần Sản xuất và Xuất nhập khẩu Phú Thịnh tại Công ty DMC Miền Nam

- b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có
- c) Hoạt động của Hội đồng quản trị: Đánh giá của hoạt động HĐQT, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp HĐQT, nội dung và kết quả của các cuộc họp.

Stt	Số Nghị quyết / Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	05/QĐ-DMCS	07/01/2022	Phê duyệt Kế hoạch quỹ lương năm 2021 của Công ty DMC Miền Nam	100%
2	29/QĐ-DMCS	22/02/2022	Chấp thuận nâng bậc lương chức danh công việc (Ctịch và GĐ)	100%
3	46/QĐ-DMCS	11/3/2022	Thành lập Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	100%
4	51/QĐ-DMCS	17/3/2022	Chấp thuận đơn xin từ nhiệm UVHĐQT của Mr Hàm	100%
5	97/NQ-HĐQT	21/4/2022	Tổ chức họp HĐQT thường kì Quý I.2022	100%
6	98/QĐ-DMCS	22/4/2022	Quyết định ban hành Điều lệ và tổ chức hoạt động của Công ty	100%
7	99/QĐ-DMCS	22/4/2022	Quyết định ban hành Quy chế hoạt động của BKS Công ty	100%
8	100/QĐ-DMCS	22/4/2022	Quyết định ban hành Quy chế hoạt động của HĐQT Công ty	100%
9	101/QĐ-DMCS	22/4/2022	Quyết định ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Công ty	100%
10	129/QĐ-DMCS	25/5/2022	Chấp thuận Quỹ lương thực hiện năm 2021	100%
11	130/QĐ-DMCS	25/5/2022	Chấp thuận nâng bậc lương và điều chỉnh mức lương Mcd	100%
12	150/QĐ-DMCS	7/6/2022	Phê duyệt hạn mức vay vốn lưu động năm 2022	100%
13	151/QĐ-DMCS	7/6/2022	Chấp thuận lựa chọn và ký kết hợp đồng kiểm toán BCTC năm 2022	100%
14	152/QĐ-DMCS	8/6/2022	Quyết định xin ý kiến cổ đông thực hiện thù lao TBKS	100%
15	158/QĐ-DMCS	13/6/2022	Phân phối cổ tức năm 2021	100%
16	217/NQ-DMCS	1/8/2022	Triển khai nội dung phiên họp thường kì Quý II/2022	100%
17	231/NQ-DMCS	17/8/2022	Thông qua việc thực hiện đăng ký CK tại VSD và đăng ký giao dịch Upcom	100%
18	257/QĐ-DMCS	16/9/2022	Chấp thuận mức thưởng Ban	100%

			quản lý điều hành chuyên trách năm 2021	
19	275/NQ-DMCS	13/10/2022	Chấp thuận chủ trương giới thiệu nhân sự giữ chức danh Kế toán trưởng	100%
20	286/NQ-DMCS	21/10/2022	Triển khai nội dung phiên họp thường kì Quý III/2022	100%
21	305/QĐ-DMCS	14/11/2022	Ban hành quy định Chi tiếp khách, hội nghị, giao dịch, đối ngoại	100%
22	306/QĐ-DMCS	14/11/2022	Ban hành Quy chế văn hoá doanh nghiệp Công ty	100%
23	307/QĐ-DMCS	14/11/2022	Ban hành Quy định về quản lý sử dụng tài liệu mật	100%
24	308/QĐ-DMCS	14/11/2022	Ban hành Quy chế chi tiêu và thanh toán các khoản chi phí	100%
25	309/QĐ-DMCS	14/11/2022	Ban hành Quy chế quản lý nợ	100%
26	310/QĐ-DMCS	14/11/2022	Ban hành Quy chế chi hoa hồng môi giới và Chi phí dịch vụ	100%

d) Hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị độc lập. hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị:

Không có

2. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty.

1. Bà Đỗ Thị Huyền - Ủy viên HĐQT kiêm Giám đốc Công ty

2. Ông Đinh Viết An - Ủy viên HĐQT

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị Công ty trong năm 2022 : Không có

3. Ban kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức danh	Số lượng CP	Tỷ lệ sở hữu CP (%)
1	Dương Thế Nhân	Trưởng Ban kiểm soát	0	0
2	Nguyễn Thị Thu Thuận	Thành viên	2.800	0,07
3	Nguyễn Y Linh	Thành viên	0	0

b) Hoạt động của Ban kiểm soát: Đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của Ban kiểm soát, nội dung và kết quả các cuộc họp.

➤ Hoạt động của Ban kiểm soát:

- Trong năm 2022, Ban kiểm soát đã triển khai, thực hiện nhiệm vụ theo kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát.
 - Giám sát việc tuân thủ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành; Kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh và việc thực hiện các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.
 - Phối hợp với Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc kiểm tra giám sát các hoạt động kinh doanh dịch vụ của Công ty. Giám sát trong việc quản lý, sử dụng nguồn vốn, tài sản, nhân lực của Công ty, nhằm đảm bảo sử dụng hiệu quả, chống lãng phí, tuân thủ đúng quy định, quy chế của Công ty và pháp luật của Nhà nước.
 - Định kỳ hàng quý Ban Kiểm soát lập kế hoạch kiểm tra, giám sát, phân công trách nhiệm cho từng thành viên theo từng lĩnh vực. Cùng với các Phòng chuyên môn thực hiện việc kiểm tra các công việc liên quan đến hoạt động kinh doanh, dịch vụ giám sát các khoản chi phí, đối chiếu, thu hồi công nợ của Công ty và tổng kết lập Báo cáo kiểm tra, giám sát.
 - Thẩm định Báo cáo tài chính hàng quý và cả năm, đảm bảo tính đúng đắn minh bạch theo chuẩn mực kết toán trong các báo cáo.
 - Các cuộc họp của Ban kiểm soát:
Trong năm 2022 Ban kiểm soát đã thực hiện 02 cuộc họp, cụ thể:
 - Lần 1: Tổ chức họp ngày 22/4/2022
 - Lần 2: Tổ chức họp ngày 15/12/2022
- Nội dung các cuộc họp:
- Thực hiện các công tác giám sát, đánh giá các hoạt động của HĐQT và Ban điều hành Công ty. Tham dự và bám sát các nội dung tại các phiên họp của HĐQT để giám sát tình hình quản trị, điều hành hoạt động Công ty.
 - Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, trung thực trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập Báo cáo tài chính của Công ty.
4. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát
- a) Lương, thưởng, thù lao các khoản lợi ích:

DVT: VNĐ

Stt	Họ và tên	Chức danh	Tiền lương	Tiền thưởng	Thù lao	Các khoản lợi ích khác (*)	Tổng cộng	Ghi chú
1	Nguyễn Quốc Túy	Chủ tịch HĐQT	273.079.418	83.563.600		91.544.200	448.187.218	
2	Đỗ Thị Huyền	UV HĐQT kiêm Giám đốc	273.079.418	83.563.600		97.583.200	454.226.218	
3	Đặng Trung Hiếu	UV HĐQT			24.857.143		24.857.143	Bổ nhiệm UV HĐQT ngày 21/4/2022
4	Dương Thế Nhân	Trưởng BKS	166.846.303	57.891.200	24.857.143	21.225.000	270.819.646	Bổ nhiệm ngày 21/4/2022
5	Đình Việt An	UVHĐQT			36.000.000		36.000.000	
6	Nguyễn Thị Ngọc Tuyền	UVHĐQT			36.000.000		36.000.000	
7	Nguyễn Y Linh	TVBKS			24.000.000		24.000.000	
8	Nguyễn Trọng Hàm	UVHĐQT			11.142.857		11.142.857	thời giữ chức TV HĐQT từ 21/4/2022)

9	Vũ Thị Nhân	Trưởng BKS	43.878.545	20.801.500		53.189.000	117.869.045	(thời giữ chức Trưởng Ban kiểm soát từ 21/4/2022)
10	Nguyễn Thị Thu Thuận	TVBKS	83.423.126	36.945.600	24.000.000	26.125.000	170.493.726	
Tổng cộng			<u>840.306.810</u>	<u>282.765.500</u>	<u>180.857.143</u>	<u>289.666.400</u>	<u>1.593.595.853</u>	

Ghi chú: (*) các khoản lợi ích khác gồm có tiền ăn ca, tiền trang phục, tiền sinh nhật, ...

b) Giao dịch cổ phiếu của Người nội bộ: Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của thành viên HĐQT, thành viên BKS, Giám đốc, Kế toán trưởng, các cán bộ quản lý, thư ký công ty, cổ đông lớn và người có liên quan tới các đối tượng trên): Không có

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ: Thông tin về hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đã được thực hiện trong năm với công ty, các công ty con, các công ty mà công ty nắm quyền kiểm soát của thành viên HĐQT, thành viên BKS, Giám đốc và các cán bộ quản lý và những người có liên quan đến đối tượng trên: Không có

d) Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Công ty luôn tuân thủ các quy định của pháp luật về quản trị công ty.

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán:

“ Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Hóa phẩm Dầu khí DMC Miền Nam tại ngày 31/12/2022, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan về việc lập và trình bày Báo cáo tài chính”

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán năm 2022 (đính kèm có 35 trang, bao gồm)

- Báo cáo của Ban Giám đốc.
- Báo cáo của Kiểm toán độc lập.
- Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2022.
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2022.
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2022.
- Bảng thuyết minh Báo cáo tài chính năm 2022

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT DMC MN;
- Ban Giám đốc;
- Website, CBTT;
- Lưu VT, TCHC.

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO
PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
GIÁM ĐỐC



Đỗ Thị Huyền

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA PHẨM DẦU KHÍ

DMC – MIỀN NAM

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

(đã được kiểm toán)



CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA PHẨM DẦU KHÍ DMC – MIỀN NAM

Số 24/8 Lê Thánh Tông, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	2 – 4
Báo cáo Kiểm toán độc lập	5 – 6
Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán	7 – 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	11 – 35

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA PHẨM DẦU KHÍ DMC – MIỀN NAM

Số 24/8 Lê Thánh Tông, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Hóa phẩm Dầu khí DMC – Miền Nam trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Hóa phẩm Dầu khí DMC – Miền Nam tiền thân là Công ty TNHH một thành viên Hóa phẩm Dầu khí DMC – Miền Nam, được chuyển đổi mô hình hoạt động sang Công ty cổ phần từ ngày 10 tháng 05 năm 2011 theo Quyết định số 946/QĐ-DMC ngày 26 tháng 04 năm 2011. Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu ngày 20 tháng 02 năm 2008 và thay đổi lần thứ 13 ngày 31 tháng 03 năm 2022.

Địa chỉ trụ sở chính của Công ty tại: Số 24/8 Lê Thánh Tông, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KHÓA SỔ KẾ TOÁN

Ban Giám đốc điều hành Công ty khẳng định rằng, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Quốc Túy	Chủ tịch HĐQT
Bà Đỗ Thị Huyền	Ủy viên
Ông Đinh Việt An	Ủy viên
Ông Đặng Trung Hiếu	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Ngọc Tuyền	Ủy viên

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Đỗ Thị Huyền	Giám đốc
Ông Bùi Đình Bá	Phó Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA PHẨM DẦU KHÍ DMC – MIỀN NAM

Số 24/8 Lê Thánh Tông, Phường Thới Nhất, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

Các thành viên của Ban kiểm soát trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Dương Thế Nhân	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 04 năm 2022
Ông Nguyễn Y Linh	Thành viên	
Bà Nguyễn Thị Thu Thuận	Thành viên	

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty Cổ phần Hóa phẩm Dầu khí DMC – Miền Nam đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán TTP. Đơn vị đủ điều kiện kiểm toán cho các công ty đại chúng, công ty đại chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán theo quy định của Bộ tài chính và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022. Trong quá trình lập báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty khẳng định những vấn đề sau đây:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục. Công ty tiếp tục hoạt động và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của mình trong năm tài chính tiếp theo;
- Kể từ ngày kết thúc kỳ hoạt động đến ngày lập Báo cáo tài chính, chúng tôi khẳng định rằng không phát sinh bất kỳ một sự kiện nào có thể ảnh hưởng đáng kể đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính và ảnh hưởng tới hoạt động của Công ty cho năm tài chính tiếp theo.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA PHẨM DẦU KHÍ DMC – MIỀN NAM

Số 24/8 Lê Thánh Tông, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 hướng dẫn về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ Công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC, ngày 16/11/2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Vũng Tàu, ngày 23 tháng 02 năm 2023

TM. Ban Giám đốc

Giám đốc



Đỗ Thị Huyền



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN TTP
TTP AUDITTING LIMITED COMPANY

Số : 48/BCKT/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

*Về Báo cáo tài chính kết thúc ngày 31/12/2022
của Công ty Cổ phần Hóa phẩm Dầu khí DMC – Miền Nam*

Kính gửi: Quý cổ đông

Hội đồng Quản trị

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Hóa phẩm Dầu khí DMC – Miền Nam

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán TTP đã kiểm toán báo cáo tài cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Công ty Cổ phần Hóa phẩm Dầu khí DMC – Miền Nam được lập ngày 23 tháng 02 năm 2023 bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 được trình bày từ trang 07 đến trang 35 kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính đã trung thực, hợp lý không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp là cơ sở ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của *Công ty Cổ phần Hóa phẩm Dầu khí DMC – Miền Nam* tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan về việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN TTP



Trần Tuấn Ninh

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 3964 – 2022 – 133 - 1

Hà Nội, ngày 23 tháng 02 năm 2023

Nguyễn Hà Phương

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 4033 – 2023 – 133 - 1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		110.792.273.831	87.816.245.000
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	3	2.606.871.590	1.647.172.996
1. Tiền	111		2.606.871.590	1.647.172.996
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	4	29.000.000.000	25.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		29.000.000.000	25.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		62.027.484.891	39.191.216.452
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	65.954.722.993	44.237.358.872
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6	458.000.000	294.750.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	1.148.312.712	342.658.394
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	8	(5.533.550.814)	(5.683.550.814)
IV. Hàng tồn kho	140	9	16.752.882.109	20.231.499.479
1. Hàng tồn kho	141		16.752.882.109	20.231.499.479
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		405.035.241	1.746.356.073
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10.a	36.330.000	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		368.705.241	1.746.356.073
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.587.925.650	2.153.778.106
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		1.259.080.735	1.773.371.273
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	1.259.080.735	1.772.168.148
- Nguyên giá	222		14.390.332.513	14.765.332.513
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(13.131.251.778)	(12.993.164.365)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	-	1.203.125
- Nguyên giá	228		115.500.000	115.500.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(115.500.000)	(114.296.875)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		328.844.915	380.406.833
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10.b	328.844.915	380.406.833
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		112.380.199.481	89.970.023.106

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022
 (Tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		68.251.954.612	43.675.209.806
I. Nợ ngắn hạn	310		68.251.954.612	43.675.209.806
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	67.542.899.972	14.192.330.968
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		634.800	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	297.617.919	374.516.902
4. Phải trả người lao động	314		42.060.496	1.472.301.751
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	15	270.885.500	1.056.780.298
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	16	68.950.748	79.279.887
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	17	-	26.500.000.000
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		28.905.177	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		44.128.244.869	46.294.813.300
I. Vốn chủ sở hữu	410	18	44.128.244.869	46.294.813.300
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		40.000.000.000	40.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		908.649.532	908.649.532
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		3.219.595.337	5.386.163.768
<i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	421a		(13.164.153.142)	1.508.794.437
<i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>	421b		16.383.748.479	3.877.369.331
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		112.380.199.481	89.970.023.106

Vũng Tàu, ngày 23 tháng 02 năm 2023

Người lập biểu



Trần Thúy Khanh

Kế toán trưởng



Bùi Thị Hương

Giám đốc



Đỗ Thị Huyền

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	19	354.088.953.589	326.413.881.860
2. Các khoản giảm trừ	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp	10		354.088.953.589	326.413.881.860
4. Giá vốn hàng bán	11	20	339.056.689.278	302.681.528.954
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		15.032.264.311	23.732.352.906
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	1.123.856.646	568.706.190
7. Chi phí tài chính	22	22	244.732.467	541.675.528
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		244.732.467	541.675.528
8. Chi phí bán hàng	24	23	5.393.186.827	10.124.452.302
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	24	6.686.910.863	7.333.185.239
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh	30		3.831.290.800	6.301.746.027
11. Thu nhập khác	31	25	181.905.760	359.816.536
12. Chi phí khác	32	26	9.069.902	19.487.864
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		172.835.858	340.328.672
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		4.004.126.658	6.642.074.699
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	27	832.078.712	1.364.705.368
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		3.172.047.946	5.277.369.331
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	28	793,01	1.454,00

Vũng Tàu, ngày 23 tháng 02 năm 2023

Người lập biểu



Trần Thúy Khanh

Kế toán trưởng



Bùi Thị Hương



Giám đốc

Đỗ Thị Huyền

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Năm 2022
(Theo phương pháp gián tiếp)

CHỈ TIÊU	Mã số	Đơn vị tính: VND	
		Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	4.004.126.658	6.642.074.699
2. Điều chỉnh cho các khoản		(753.742.732)	92.654.085
- Khấu hao tài sản cố định	02	307.007.272	486.218.630
- Các khoản dự phòng	03	(150.000.000)	(6.717.347)
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(1.155.482.471)	(928.522.726)
- Chi phí lãi vay	06	244.732.467	541.675.528
3. Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	3.250.383.926	6.734.728.784
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(21.308.617.607)	(15.439.644.821)
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	3.478.617.370	(1.045.008.415)
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả	11	51.024.685.871	(1.320.501.201)
(không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)			
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	15.231.918	
- Tiền lãi vay đã trả	14	-	1.011.153.167
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(231.954.385)	(532.886.487)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	(821.703.036)	(1.098.304.419)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(509.711.200)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	34.896.932.857	(11.690.463.392)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	-	(127.187.317)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và tài sản dài hạn khác	22	238.909.091	665.269.248
3. Tiền chi cho vay và mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(24.000.000.000)	(34.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	20.000.000.000	13.000.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.123.856.646	439.113.039
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(2.637.234.263)	(20.022.805.030)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	6.400.000.000	68.786.258.739
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(32.900.000.000)	(49.286.258.739)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(4.800.000.000)	(1.400.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(31.300.000.000)	18.100.000.000
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	959.698.594	(13.613.268.422)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	1.647.172.996	15.260.441.418
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	2.606.871.590	1.647.172.996

Vũng Tàu, ngày 23 tháng 02 năm 2023

Người lập biểu



Trần Thúy Khanh

Kế toán trưởng Giám đốc



Bùi Thị Hường



Hồ Thị Huyền

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Hóa phẩm Dầu khí DMC – Miền Nam tiền thân là Công ty TNHH một thành viên Hóa phẩm Dầu khí DMC – Miền Nam, được chuyển đổi mô hình hoạt động sang Công ty cổ phần từ ngày 10 tháng 05 năm 2011 theo Quyết định số 946/QĐ-DMC ngày 26 tháng 04 năm 2011. Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu ngày 20 tháng 02 năm 2008 và thay đổi lần thứ 13 ngày 31 tháng 03 năm 2022.

Địa chỉ trụ sở chính của Công ty tại: Số 24/8 Lê Thánh Tông, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty: 40.000.000.000 đồng (Bốn mươi tỷ đồng).

Mệnh giá cổ phần là 10.000 VND/CP, tương đương 4.000.000 cổ phần.

Số cán bộ công nhân viên: 41 người.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của công ty là:

- Sản xuất dung dịch và hóa phẩm dầu khí, xi măng giếng khoan và các chất dùng cho khoan thăm dò, khai thác dầu khí, công nghiệp giấy, công nghiệp cán thép;
- Mua bán hóa chất, mua bán thiết bị, nguyên vật liệu, vật tư cho sản xuất dung dịch khoan, khai thác, chế biến dầu khí, công nghiệp giấy.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND)

2.2. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

2.6. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ:

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo: Chi phí nguyên vật liệu chính cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.8. Tài sản cố định và Tài sản cố định thuê tài chính

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa vật kiến trúc	06 - 25 năm
- Máy móc thiết bị	05 - 12 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 08 năm
- Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 05 năm

2.9. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Lợi thế kinh doanh phát sinh khi cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước được phân bổ dần tối đa không quá 3 năm.

2.10. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.11. Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.12. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.13. Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như: tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.14. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội cổ đông/Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.15. Doanh thu**Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Cổ phiếu thưởng hay cổ tức trả bằng cổ phiếu: Không ghi nhận khoản thu nhập khi quyền được nhận cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu được xác lập, số lượng cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu nhận được thuyết minh trên báo cáo tài chính có liên quan.

2.16. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.17. Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.18. Thuế thu nhập doanh nghiệp**a. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định dựa trên tổng chênh lệch tạm thời được khấu trừ và giá trị được khấu trừ chuyển sang kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất thuế TNDN hiện hành, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

b. Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

2.19. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi, Quỹ khen thưởng Ban điều hành và cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

2.20. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;

- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.21. Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt tại quỹ	419.752.116	17.315.985
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.187.119.474	1.629.857.011
Các khoản tương đương tiền	-	-
Tổng cộng	2.606.871.590	1.647.172.996

4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư ngắn hạn				
<i>Tiền gửi có kỳ hạn</i>	<i>29.000.000.000</i>	-	-	-
- Ngân hàng TMCP Thương Tín (*)	28.000.000.000	-	15.000.000.000	-
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (**)	1.000.000.000	-	10.000.000.000	-
Tổng cộng	29.000.000.000	-	25.000.000.000	-

(*) Tiền gửi Ngân hàng TMCP Thương Tín kỳ hạn 6 tháng, lãi suất từ 5,5%/ năm đến 9,8%/năm

(**) Tiền gửi Ngân hàng TMCP Công thương Việt nam kỳ hạn 6 tháng, lãi suất 5,7%/ năm.

5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	65.954.722.993	44.237.358.872
Công ty Cổ Phần Phát Triển Và Thương Mại Á Châu	-	12.590.383.500
Công ty TNHH Thương Mại Và Dịch Vụ HT Thăng Long	-	11.280.000.000
Công ty TNHH Đầu Tư Thương Mại Và Dịch Vụ Niềm Tin Việt	-	6.697.500.000
Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Dầu Khí Phúc An	5.089.488.314	5.239.488.314
Công ty TNHH Kinh Doanh Thương Mại và Dịch Vụ Tổng Hợp Thăng Lợi	10.551.630.400	-
Công ty TNHH Phân Bón Hưng Phú	37.464.000.000	-
Các đối tượng khác	12.849.604.279	8.429.987.058
Tổng cộng	65.954.722.993	44.237.358.872
Phải thu khách hàng là các bên liên quan	7.050.516.693	7.563.345.217

(Chi tiết tại thuyết minh số 33)

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trả trước cho người bán ngắn hạn	458.000.000	294.750.000
Công ty TNHH Thảo Điền	270.000.000	270.000.000
Cty TNHH Thẩm Định Giá Đất Việt	-	24.750.000
Công ty Cổ Phần Chứng Khoán Rồng Việt - CN Hà Nội	88.000.000	-
Các đối tượng khác	100.000.000	-
Tổng cộng	458.000.000	294.750.000

7. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a. Ngắn hạn	1.148.312.712	-	342.658.394	-
Tạm ứng	388.000.000	-	-	-
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược	1.144.148	-	1.142.464	-
Phải thu khác	759.168.564	-	341.515.930	-
Tổng cộng	1.148.312.712	-	342.658.394	-
Phải thu khác là các bên	5.000.000	-	78.300.000	-

(Xem chi tiết tại thuyết minh số 33)

8. NỢ XẤU

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	5.533.550.814	-	5.683.550.814	-
Công ty TNHH TM DV Dầu khí Phúc An	5.089.488.314	-	5.239.488.314	-
Các đối tượng khác	444.062.500	-	444.062.500	-
Tổng cộng	5.533.550.814	-	5.683.550.814	-

9. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	42.803.567	-	484.774.072	-
Công cụ, dụng cụ	396.620.993	-	512.626.246	-
Thành phẩm	59.618.152	-	53.404.200	-
Hàng hoá	16.253.839.397	-	19.180.694.961	-
Tổng cộng	16.752.882.109	-	20.231.499.479	-

- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối năm: 0 đồng
- Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản nợ phải trả tại thời điểm cuối năm là: 0 đồng

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn	36.330.000	-
- Các khoản khác	36.330.000	-
b. Dài hạn	328.844.915	380.406.833
- Chi phí sửa chữa	328.844.915	-
- Các khoản khác	-	380.406.833
Tổng cộng	365.174.915	380.406.833

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

(Chi tiết phụ lục 01)

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

(Chi tiết phụ lục 02)

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả người bán ngắn				
Công ty TNHH Dung Dịch Khoan Và Dịch vụ Dầu Khí	20.650.878.185	20.650.878.185	12.167.531.740	12.167.531.740
Công ty Cổ Phần XNK Đại Cát Lợi	3.814.022.270	3.814.022.270	985.620.477	985.620.477
Công ty TNHH Tư Vấn, Đầu Tư và Thương Mại Nhật Việt	-	-	402.930.000	402.930.000
Công ty TNHH Hoá Chất Trần Gia	18.333.000	18.333.000	151.888.000	151.888.000
Công ty TNHH VTNN Hưng Thạnh	37.450.000.000	37.450.000.000		-
Các đối tượng khác	5.609.666.517	5.609.666.517	484.360.751	484.360.751
Tổng cộng	67.542.899.972	67.542.899.972	14.192.330.968	14.192.330.968
Phải trả người bán là các bên liên quan	20.822.205.892	20.822.205.892	12.167.531.740	12.167.531.740

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

(Chi tiết phụ lục số 3)

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

a. Ngắn hạn

- Lãi vay

- Khác

Tổng cộng

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
	270.885.500	1.056.780.298
	-	12.778.082
	270.885.500	1.044.002.216
Tổng cộng	270.885.500	1.056.780.298

16. PHẢI TRẢ KHÁC

a. Ngắn hạn

Kinh phí công đoàn

Bảo hiểm xã hội

Bảo hiểm y tế

Tổng cộng

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
	68.950.748	79.279.887
	67.496.486	77.825.625
	359.317	359.317
	1.094.945	1.094.945
Tổng cộng	68.950.748	79.279.887

17. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

(Chi tiết phụ lục 04)

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

(Chi tiết phụ lục số 05)

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm VND	Tỷ lệ	Số đầu năm VND	Tỷ lệ
Tổng Công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí - CTCP	20.400.000.000	51,0%	20.400.000.000	51,0%
Công ty CP Sản xuất và XNK Phú Thịnh	15.083.000.000	37,7%	15.083.000.000	37,7%
Vốn góp của đối tượng khác	4.517.000.000	11,3%	4.517.000.000	11,3%
Tổng cộng	40.000.000.000	100%	40.000.000.000	100%

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	40.000.000.000	40.000.000.000
+ Vốn góp đầu năm	40.000.000.000	40.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm		
+ Vốn góp giảm trong năm		
+ Vốn góp cuối năm	40.000.000.000	40.000.000.000

d. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.000.000	4.000.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.000.000	4.000.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	4.000.000	4.000.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i>		
- Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.000.000	4.000.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	4.000.000	4.000.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i>		

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/CP

19. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán hàng	344.315.320.442	314.584.009.470
Doanh thu cung cấp dịch vụ	9.773.633.147	11.829.872.390
Tổng cộng	354.088.953.589	326.413.881.860

20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn bán hàng	334.502.203.470	296.213.913.635
Giá vốn cung cấp dịch vụ	4.554.485.808	6.474.332.666
Dự phòng/ hoàn nhập dự phòng hàng tồn kho	-	(6.717.347)
Tổng cộng	339.056.689.278	302.681.528.954

21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.123.856.646	568.706.190
Tổng cộng	1.123.856.646	568.706.190

22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí lãi vay	244.732.467	541.675.528
Tổng cộng	244.732.467	541.675.528

23. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên, vật liệu, CCDC	255.793.306	280.990.120
Chi phí nhân công	619.500.609	410.888.228
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.522.790.894	3.555.065.768
Chi phí khác bằng tiền	2.995.102.018	5.877.508.186
Tổng cộng	5.393.186.827	10.124.452.302

24. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên, vật liệu, CCDC	311.605.600	200.112.014
Chi phí nhân công	3.226.835.590	3.860.453.714
Chi phí khấu hao	27.174.766	127.227.028
Thuế, phí, lệ phí	3.000.000	3.025.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	517.037.216	377.582.768
Chi phí khác	2.751.257.691	2.764.784.715
Chi phí dự phòng	(150.000.000)	-
Tổng cộng	6.686.910.863	7.333.185.239

25. THU NHẬP KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thanh lý tài sản cố định	31.625.825	359.816.536
Thu nhập khác	150.279.935	-
Tổng cộng	181.905.760	359.816.536

26. CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước VND
Phạt vi phạm hành chính, chậm nộp thuế		
Chi phí khác	9.069.902	19.487.864
Tổng cộng	9.069.902	19.487.864

27. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	832.078.712	1.364.705.368
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay		
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	832.078.712	1.364.705.368

28. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	3.172.047.946	5.277.369.331
Các khoản điều chỉnh	-	(538.616.377)
- <i>Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích từ LNST</i>	-	(538.616.377)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	3.172.047.946	5.815.985.708
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	4.000.000	4.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	793,01	1.454,00

29. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên, vật liệu	567.398.906	481.102.134
Chi phí nhân công	3.982.558.199	4.407.563.942
Chi phí khấu hao	307.007.272	127.227.028
Thuế, phí, lệ phí	3.000.000	3.025.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.039.828.110	3.932.648.536
Chi phí khác bằng tiền	5.746.359.709	8.642.292.901
Chi phí dự phòng	(150.000.000)	-
Tổng cộng	12.496.152.196	17.593.859.541

30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

Đơn vị tính: VND

Tài sản tài chính	Giá trị sổ kế toán			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.606.871.590		1.647.172.996	
Phải thu khách hàng, phải thu khác	67.103.035.705	(5.533.550.814)	44.580.017.266	(5.683.550.814)
Các khoản cho vay	-		-	
Đầu tư ngắn hạn	29.000.000.000	-	25.000.000.000	-
Đầu tư dài hạn	-	-	-	-
Tổng cộng	98.709.907.295	(5.533.550.814)	71.227.190.262	(5.683.550.814)

Nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ kế toán	
	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Vay và nợ	-	26.500.000.000
Phải trả người bán, phải trả khác	67.611.850.720	14.271.610.855
Chi phí phải trả	270.885.500	1.056.780.298
Tổng cộng	67.882.736.220	41.828.391.153

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
Số cuối năm				
Đầu tư ngắn hạn	29.000.000.000			29.000.000.000
Đầu tư dài hạn		-		-
Tổng cộng	29.000.000.000	-	-	29.000.000.000
Số đầu năm				
Đầu tư ngắn hạn	25.000.000.000			25.000.000.000
Đầu tư dài hạn		-		-
Tổng cộng	25.000.000.000	-	-	25.000.000.000

Rủi ro về tỷ giá hối đoái

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
Số cuối năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.606.871.590			2.606.871.590
Phải thu khách hàng, phải thu khác	67.103.035.705	-		67.103.035.705
Các khoản cho vay	-	-		-
Tổng cộng	69.709.907.295	-	-	69.709.907.295
Số đầu năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.647.172.996			1.647.172.996
Phải thu khách hàng, phải thu khác	44.580.017.266	-		44.580.017.266
Các khoản cho vay	-	-		-
Tổng cộng	46.227.190.262	-	-	46.227.190.262

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
Số cuối năm				
Vay và nợ	-	-	-	-
Phải trả người bán, phải trả khác	67.611.850.720	-	-	67.611.850.720
Chi phí phải trả	270.885.500	-	-	270.885.500
Tổng cộng	67.882.736.220	-	-	67.882.736.220
Số đầu năm				
Vay và nợ	26.500.000.000	-	-	26.500.000.000
Phải trả người bán, phải trả	14.271.610.855	-	-	14.271.610.855
Chi phí phải trả	1.056.780.298	-	-	1.056.780.298
Tổng cộng	41.828.391.153	-	-	41.828.391.153

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

31. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Công ty không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

32. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý (Phân loại hoạt động trong nước và ngoài nước)

Công ty chỉ hoạt động trong khu vực địa lý Việt Nam

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Các bộ phận kinh doanh chính của Công ty như sau:

	Hoạt động bán hàng	Hoạt động cung cấp dịch vụ	Đơn vị tính: VND Tổng
Doanh thu thuần ra bên ngoài	344.315.320.442	9.773.633.147	354.088.953.589
Chi phí bộ phận	334.502.203.470	4.554.485.808	339.056.689.278
Kết quả kinh doanh bộ phận	9.813.116.972	5.219.147.339	15.032.264.311
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			12.080.097.690
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			2.952.166.621
Doanh thu hoạt động tài chính			1.123.856.646
Chi phí tài chính			244.732.467
Thu nhập khác			181.905.760
Chi phí khác			9.069.902
Thuế TNDN hiện hành			832.078.712
Lợi nhuận sau thuế			3.172.047.946

33. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Hóa Chất Và Dịch Vụ Dầu Khí - CTCP	Công ty mẹ
Chi Nhánh Tổng Công ty Hoá Chất và Dịch Vụ Dầu khí-CTCP-Trung Tâm Nghiên Cứu Ứng Dụng Và Dịch Vụ Kỹ Thuật	Chi nhánh công ty mẹ
Công ty Cổ Phần Tư Vấn Khảo Sát Dầu Khí PVE	Cùng tập đoàn dầu khí Việt Nam
Công ty CP Bọc Ống Dầu Khí Việt Nam	Cùng tập đoàn dầu khí Việt Nam
Công ty CP Sản Xuất và Xuất Nhập Khẩu Phú Thịnh	Cổ đông lớn
Công ty TNHH Dịch Vụ Dầu Khí M-I Việt Nam	Cùng Công ty mẹ
Công ty TNHH Liên Doanh Kỹ Thuật Giếng Khoan PV Drilling Và Baker Hughes	Cùng tập đoàn dầu khí Việt Nam
Công ty TNHH MTV Dịch Vụ Khảo Sát Và Công Trình Ngầm PTSC	Cùng tập đoàn dầu khí Việt Nam
Công ty TNHH MTV Điều Hành Thăm Dò Khai Thác Dầu Khí Trong Nước - Mỏ Sông Đốc	Cùng tập đoàn dầu khí Việt Nam
Liên Doanh Việt - Nga Vietsovetro	Cùng tập đoàn dầu khí Việt Nam
Công ty TNHH Dung Dịch Khoan Và Dịch vụ Dầu Khí	Cùng Công ty mẹ
Tổng Công ty Hóa Chất Và Dịch Vụ Dầu Khí-CTCP - Chi Nhánh Dịch Vụ Hóa Chất Dầu Khí	Chi nhánh công ty mẹ
Tổng Công ty Hoá Chất Và Dịch Vụ Dầu Khí-CTCP-Chi Nhánh Dịch Vụ Kỹ Thuật Công Nghiệp	Chi nhánh công ty mẹ
Chi Nhánh Tổng Công ty DMC-Công ty Dung Dịch Khoan Và Dịch Vụ Giếng Khoan	Chi nhánh công ty mẹ
Công ty TNHH PVChem - Tech	Cùng Công ty mẹ

b. Giao dịch với bên liên quan

Công ty có các giao dịch chủ yếu trong năm với các bên liên quan như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Chi Nhánh Tổng Công ty Hoá Chất và Dịch Vụ Dầu khí-CTCP-Trung Tâm Nghiên Cứu Ứng Dụng Và Dịch Vụ Kỹ Thuật	746.029.980	338.933.539
Công ty CP Bọc Ống Dầu Khí Việt Nam	371.767.550	485.032.200
Công ty CP Sản Xuất và Xuất Nhập Khẩu Phú Thịnh	17.475.000.000	26.953.615.007
Công ty TNHH Dịch Vụ Dầu Khí M-I Việt Nam	4.391.691.926	7.957.501.955
Công ty TNHH Liên Doanh Kỹ Thuật Giếng Khoan PV Drilling Và Baker Hughes	9.257.213.680	7.296.881.585
Công ty TNHH MTV Dịch Vụ Khảo Sát Và Công Trình Ngầm PTSC	1.979.413.750	2.689.860.600
Công ty TNHH MTV Điều Hành Thăm Dò Khai Thác Dầu Khí Trong Nước - Mỏ Sông Đốc	43.800.000	183.840.000

	Năm nay VND	Năm trước VND
Liên Doanh Việt - Nga Vietsovetro	38.613.737.500	31.588.816.000
Công ty TNHH Dung Dịch Khoan Và Dịch vụ Dầu Khí	11.425.186.232	7.511.907.424
Tổng Công ty Hóa Chất Và Dịch Vụ Dầu Khí-CTCP - Chi Nhánh Dịch Vụ Hóa Chất Dầu Khí	9.506.458.764	4.849.877.706
Tổng Công ty Hoá Chất Và Dịch Vụ Dầu Khí-CTCP-Chi Nhánh Dịch Vụ Kỹ Thuật Công Nghiệp	35.120.750.000	16.545.000.000
Công ty TNHH PVChem - Tech	276.181.229	
Mua hàng hóa, dịch vụ		
Công ty TNHH Dung Dịch Khoan Và Dịch vụ Dầu Khí	41.398.984.900	35.270.102.948
Công ty CP Sản Xuất và Xuất Nhập Khẩu Phú Thịnh	40.602.230.000	9.679.601.630
Tổng Công ty Hóa Chất Và Dịch Vụ Dầu Khí-CTCP - Chi Nhánh Dịch Vụ Hóa Chất Dầu Khí	2.334.000.000	98.000.000
Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính:	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải thu khách hàng	7.050.516.693	7.563.345.217
Chi Nhánh Tổng Công ty Hoá Chất và Dịch Vụ Dầu khí-CTCP-Trung Tâm Nghiên Cứu Ứng Dụng Và Dịch Vụ Kỹ Thuật	41.016.778	129.003.927
Công ty CP Sản Xuất và Xuất Nhập Khẩu Phú Thịnh	-	44.440.000
Công ty TNHH Dịch Vụ Dầu Khí M-I Việt Nam	1.458.128.749	378.603.513
Công ty TNHH Dung Dịch Khoan Và Dịch vụ Dầu Khí	-	855.296.173
Công ty TNHH Liên Doanh Kỹ Thuật Giếng Khoan PV Drilling Và Baker Hughes	5.337.543.632	1.596.713.718
Công ty TNHH MTV Điều Hành Thăm Dò Khai Thác Dầu Khí Trong Nước - Mỏ Sông Đốc	-	48.180.000
Công ty TNHH PVChem - Tech	213.827.534	-
Liên Doanh Việt - Nga Vietsovetro	-	2.117.500.000
Tổng Công ty Hóa Chất Và Dịch Vụ Dầu Khí-CTCP - Chi Nhánh Dịch Vụ Hóa Chất Dầu Khí	-	2.393.607.886
Phải trả người bán	20.822.205.892	12.167.531.740
Công ty TNHH Dung Dịch Khoan Và Dịch vụ Dầu Khí	20.650.878.185	12.167.531.740
Tổng Công ty Hóa Chất Và Dịch Vụ Dầu Khí-CTCP - Chi Nhánh Dịch Vụ Hóa Chất Dầu Khí	171.327.707	
Phải thu khác	5.000.000	78.300.000
Tổng Công ty Hóa Chất Và Dịch Vụ Dầu Khí - CTCP	5.000.000	78.300.000
Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát		Năm nay VND
Đỗ Thị Huyền		454.226.218
Nguyễn Quốc Túy		448.187.218
Bùi Đình Bá		405.318.018
Nguyễn Thị Thu Thuận		170.493.726
Bùi Thị Hường		240.675.691
Dương Thế Nhân		270.819.646
Tổng cộng		1.989.720.517

Ngoài các thuyết minh với các bên liên quan đã thuyết minh ở các phần trên, Ban Giám đốc cam kết không phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác.

34. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Bảng Cân đối kế toán, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh tương ứng của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán TTP.

Người lập biểu



Trần Thúy Khanh

Kế toán trưởng



Bùi Thị Hương

Vũng Tàu, ngày 23 tháng 02 năm 2023

Giám đốc



Đỗ Thị Huyền

Phụ lục 01:

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	7.985.636.233	656.928.817	6.043.902.415	78.865.048	14.765.332.513
- Mua trong năm					-
- Đầu tư XDCB hoàn thành					-
- Thanh lý, nhượng bán			(375.000.000)		(375.000.000)
- Giảm khác					-
Số cuối năm	7.985.636.233	656.928.817	5.668.902.415	78.865.048	14.390.332.513
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	7.114.830.851	437.288.770	5.362.179.696	78.865.048	12.993.164.365
- Khấu hao trong năm	134.976.324	63.223.685	107.604.138		305.804.147
- Tăng khác					-
- Thanh lý nhượng bán			(167.716.734)		(167.716.734)
- Giảm khác					-
Số cuối năm	7.249.807.175	500.512.455	5.302.067.100	78.865.048	13.131.251.778
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	870.805.382	219.640.047	681.722.719	-	1.772.168.148
Tại ngày cuối năm	735.829.058	156.416.362	366.835.315	-	1.259.080.735

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đang cầm cố thế chấp vay tại ngày 31/12/2022 là: 0 đồng

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn đang sử dụng tại 31/12/2022 là: 11.981.122.960 đồng

Phụ lục 02:

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Chương trình phần mềm	Tổng cộng
Nguyên giá		
Số đầu năm	115.500.000	115.500.000
- Mua trong năm		-
- Tặng khác		-
- Thanh lý, nhượng bán		-
- Giảm khác		-
Số cuối năm	115.500.000	115.500.000
Giá trị hao mòn		
Số đầu năm	114.296.875	114.296.875
- Khấu hao trong năm	1.203.125	1.203.125
- Tặng khác		-
- Thanh lý nhượng bán		-
- Giảm khác		-
Số cuối năm	115.500.000	115.500.000
Giá trị còn lại		
Tại ngày đầu năm	1.203.125	1.203.125
Tại ngày cuối năm	-	-

Giá trị còn lại của tài sản cố định vô hình đang cầm cố thế chấp vay tại ngày 31/12/2022 là: 0 đồng.

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn đang sử dụng tại 31/12/2022 là: 115.500.000 đồng.

Phụ lục số 03:

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Đơn vị tính: VND

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải trả cuối năm
Thuế Giá trị gia tăng	-	-	13.725.255	13.725.255	-	-
Thuế Tiêu thụ đặc biệt	-	-	-	-	-	-
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	-	-	-	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	278.208.718	832.078.712	821.703.036	-	288.584.394
Thuế Thu nhập cá nhân	-	96.308.184	268.016.273	355.290.932	-	9.033.525
Thuế Tài nguyên	-	-	-	-	-	-
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	-	-	888.349.490	888.349.490	-	-
Thuế bảo vệ môi trường	-	-	-	-	-	-
Các loại thuế khác	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	-	-	-	-
Tổng cộng	-	374.516.902	2.005.169.730	2.082.068.713	-	297.617.919

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Phụ lục 04:

17. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH	Cuối năm		Trong năm		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	-	-	6.400.000.000	32.900.000.000	26.500.000.000	26.500.000.000
Ngân hàng TMCP Công Thương- CN Bà Rịa- Vũng Tàu	-	-	6.400.000.000	32.900.000.000	26.500.000.000	26.500.000.000
Cộng	-	-	6.400.000.000	32.900.000.000	26.500.000.000	26.500.000.000

Phụ lục 05:

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Đơn vị tính: VND				
	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	40.000.000.000		908.649.532	1.508.794.437	42.417.443.969
- Tăng vốn trong năm trước					-
- Lãi trong năm trước				5.277.369.331	5.277.369.331
- Tăng khác					-
- Trích lập các quỹ					-
- Giảm vốn trong năm trước					-
- Lỗ trong năm trước					-
- Cổ tức				(1.400.000.000)	(1.400.000.000)
- Giảm khác					-
Số dư đầu năm nay	40.000.000.000	-	908.649.532	5.386.163.768	46.294.813.300
- Tăng vốn trong năm nay					-
- Lãi trong năm nay				3.172.047.946	3.172.047.946
- Tăng khác					-
- Trích lập các quỹ				(538.616.377)	(538.616.377)
- Giảm vốn trong năm					-
- Lỗ trong năm nay					-
- Cổ tức				(4.800.000.000)	(4.800.000.000)
- Giảm khác					-
Số dư cuối năm nay	40.000.000.000	-	908.649.532	3.219.595.337	44.128.244.869